

Xếp hạng sau ván 5

Hạng	Số	Đội	Ván cờ	+	=	-	HS1	HS2	HS3	HS4	HS5	TB6
1	1	Destruidores de Pizza	5	5	0	0	9,5	0	0	25	30	9
2	2	2R Campineiros	5	4	0	1	7	0	0	26,5	30,5	6
3	7	Mestres dos Finais	5	3	0	2	6	0	0	26	27	5
4	4	Arolds	5	2	1	2	6	0	0	25,5	28,5	5
5	6	It takes two	5	2	2	1	6	0	0	24,5	25,5	6
6	3	Gambito do Rei	5	2	1	2	5	0	0	26,5	31	4
7	5	Eu Não Ligo	5	2	1	2	5	0	0	19,5	20,5	5
8	9	FEA USP	5	2	1	2	4,5	0	0	20	23	3
9	8	Morphy & Capablanca	5	2	0	3	4	0	0	20,5	23,5	3
10	11	Torres Fulminantes	5	1	1	3	3	0	0	18	19	3
11	10	Pendurados	5	1	0	4	3	0	0	17,5	18,5	2
12	12	CX3R	5	0	1	4	1	0	0	20	23	1

Ghi chú

Hệ số phụ 1: points (game-points)

Hệ số phụ 2: Direct Encounter (DE)

Hệ số phụ 3: Sonneborn Berger Tie-Break Variable (2026) (Gamepoints)

Hệ số phụ 4: Buchholz Tie-Break Variable (2026) (Gamepoints, Cut1)

Hệ số phụ 5: Buchholz Tie-Break Variable (2026) (Gamepoints)

Hệ số phụ 6: Number of wins including byes (WIN) (Gamepoints, Forfeited games count)

Tìm tất cả chi tiết giải đấu này theo <https://chess-results.com/tnr1483816.aspx?lan=29>

Máy chủ Chess-Tournaments-Results: Chess-Results